

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Số: **522** /CBTT – XMQT  
(V/v: Công bố thông tin)

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Trụ sở chính: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Mã chứng khoán: CQT

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Minh Hải

Địa chỉ: SN 06 ngõ 45 tổ 08 Phường Tân Long – Tp Thái Nguyên

Điện thoại: 0977.995.831

Loại công bố thông tin:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 10 /NQ – ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024. Cụ thể theo file đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/04/2024 tại đường dẫn <http://www.ximangquantrieu.com/>

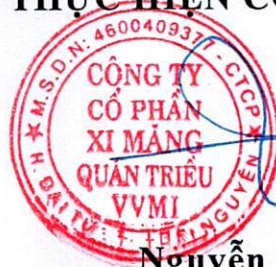
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 04 năm 2024.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Hải

Số: 10 /BB/2024/ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

**Thời gian:** 8 giờ 15 phút ngày 23 tháng 4 năm 2024.

**Địa điểm:** Tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI – Xã An Khánh,  
Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên;

Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường  
niên năm 2024.

**I. Thành phần dự họp:**

**a. Hội đồng quản trị Công ty gồm có:**

- |                        |                                  |
|------------------------|----------------------------------|
| 1- Ông Nguyễn Văn Dũng | - Chủ tịch HĐQT                  |
| 2- Ông Trần Việt Cường | - Thành viên HĐQT – Giám đốc     |
| 3. Ông Hà Văn Chuyên   | - Thành viên HĐQT                |
| 4- Bà Đỗ Thu Hương     | - Thành viên HĐQT                |
| 5- Ông Đỗ Ngọc Huy     | - Thành viên HĐQT – Phó giám đốc |

**b. Ban kiểm soát Công ty gồm có:**

- |                             |                        |
|-----------------------------|------------------------|
| 1- Ông Tạ Văn Long          | - Trưởng ban kiểm soát |
| 2- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên BKS       |
| 3- Bà Phạm Thị Thúy Nga     | - Thành viên BKS       |

**c. Cổ đông tham dự Đại hội:** Thời điểm khai mạc có vào lúc 8 giờ 15 phút có  
21 cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho 22.550.742 cổ phần bằng 90,2 % số  
cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**d. Đoàn Chủ tọa Đại hội:**

- |                        |   |
|------------------------|---|
| 1- Ông Nguyễn Văn Dũng | - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa.        |
| 2- Ông Trần Việt Cường | - TVHĐQT - Giám đốc Công ty làm thành viên. |

**e. Chủ tọa Đại hội đã chỉ định thư ký:**

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1- Ông: Nguyễn Văn Toàn | - Thư ký HĐQT Công ty. |
|-------------------------|------------------------|

**II. Nội dung, diễn biến của Đại hội:**

**Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:**

### 1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

Đại hội nghe Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà - Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông trước khi khai mạc Đại hội. Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố có 21 cổ đông sở hữu và đại diện 22.550.742 cổ phần bằng 90,2 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có mặt và đầy đủ tư cách tham dự Đại hội.

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Quy chế tổ chức Đại Hội, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI năm 2024 đã đủ điều kiện để tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại thời điểm 8 giờ 30 có thêm 02 cổ đông tham dự, tổng số cổ đông tham dự là 23 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 22.562.242 cổ phần, bằng 90,25 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.*

2. Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tọa Đại hội trình bày và thông qua các nội dung trước khi tiến hành Đại hội. Cụ thể như sau:

#### 2.1 Thông qua chương trình Đại hội.

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

#### 2.2 Thông qua quy chế, hình thức biểu quyết Đại hội.

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### III- Các Báo cáo và tờ trình được trình bày trong Đại hội:

#### 1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Đại hội nghe ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

#### 2. Báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Đại hội đã nghe Ông Trần Việt Cường – Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

**3. Báo cáo của BKS về hoạt động của ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.**

Đại hội đã nghe Ông Tạ Văn Long – Trưởng ban kiểm soát Công ty Báo cáo của BKS về hoạt động ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 2024.

**4. Tờ trình báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 sau kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.**

Đại hội nghe Ông Nguyễn Anh Tuấn Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình thông qua Báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

**5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Anh Tuấn Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

**6. Tờ trình đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty CP xi măng Quán Triều VVMI vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.**

Đại hội nghe Ông Nguyễn Anh Tuấn Kế toán trưởng Công ty trình bày tờ trình đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.

**7. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2024.**

Đại hội đã nghe Ông Trần Việt Cường – TVHĐQT Giám đốc Công ty trình bày tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch ĐTXD năm 2024.

**8. Tờ trình đề nghị Đại hội đồng cổ đông 2024 ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng ký kết với các đơn vị có lợi ích liên quan theo quy định tại điều 167 Luật doanh nghiệp:**

Đại hội nghe Ông Trần Việt Cường – TVHĐQT Giám đốc Công ty trình bày tờ trình đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng ký kết với các đơn vị có lợi ích liên quan theo quy định tại điều 167 Luật doanh nghiệp:

**9. Tờ trình về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.**

Đại hội nghe Ông Trần Việt Cường – TVHĐQT Giám đốc Công ty trình bày tờ trình về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

**10. Tờ trình của ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.**

Đại hội đã nghe Ông Tạ Văn Long – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.

#### **11. Tờ trình của ban kiểm soát về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.**

Đại hội đã nghe Ông Tạ Văn Long – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

#### **Đại hội nghỉ giải lao 15 phút.**

### **IV - Thảo luận, giải đáp các kiến nghị của Cổ đông**

#### **1. Ý kiến cổ đông STT 23:**

1.1. Nhận định thị trường năm 2024 tiếp tục có nhiều khó khăn vậy đề nghị HĐQT đưa ra các định hướng về Chiến lược cạnh tranh và các giải pháp tạo lợi thế về chi phí so với các đối thủ?

1.2. Đề nghị HĐQT đưa ra các giải pháp để khắc phục thực trạng thiếu nguồn vốn phục vụ SXKD năm 2024.

#### **2. Phần trả lời:**

2.1. Ông Trần Việt Cường – Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty.

\* Các giải pháp tạo lợi thế về chi phí và chiến lược cạnh tranh:

- Dựa vào các điều kiện thuận lợi như nguồn Nguyên vật liệu gần như: Đá vôi, than, đất sét; Bên cạnh đó giá mua cũng cạnh tranh so với các đối thủ trong ngành.

- Xây dựng các chiến lược ngay từ đầu năm như chỉ đạo giảm tiêu hao điện năng các công đoạn thấp hơn; Sử dụng các sản phẩm thay thế tại địa phương (tro đáy, sản phẩm thay thế sét, tăng cường dùng đá thải một cách tối đa ...).

- Các giải pháp trong công nghệ để Tăng mác Clinker; phấn đầu mác >50,5N/mm<sup>2</sup>.

- Thay vôi đốt mới, giúp tăng mác Clinker và sử dụng được chủng loại than có phẩm cấp thấp hơn phù hợp với dây chuyền thiết bị của nhà máy.

- Nghiên cứu sử dụng sản phẩm đá sau sàng tuyển để giảm chi phí trong sản xuất.

- Giảm chi phí trong việc sử dụng vỏ bao (sử dụng tăng thêm vỏ bao 2 lớp, vỏ bao dứa, vỏ bao Zumbo).

- Duy trì các thị trường mang lợi nhuận cao như: Cao bằng, Bắc Kạn. Lạng Sơn, Thái Nguyên...

- Xây dựng chính sách tiêu thụ theo tuần để kịp thời điều chỉnh sách với các nhà phân phối, các đại lý phù hợp với tình hình thực tế tại các vùng thị trường.

2.2. Ông: Nguyễn Anh Tuấn – Kế toán trưởng Công ty.

\* Các giải pháp để khắc phục thực trạng thiếu nguồn vốn phục vụ SXKD năm 2024:

- Ban điều hành trình Công ty mẹ là Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV duyệt mức dư nợ tiền mua hàng (Đá vôi, Vỏ bao, Than) với tổng mức dư nợ tối đa 180 tỷ đồng; nếu mức dư nợ vượt các hạn mức phê duyệt thì tính lãi chậm trả theo hợp đồng.

- Huy động nguồn vốn trung dài hạn từ các nguồn khác để bù đắp thiếu nguồn với chi phí vay phù hợp với thực trạng.

- Trong phương án phân phối lợi nhuận hàng năm nên ưu tiên giữ lại 1 phần lợi nhuận chưa phân phối để bù đắp thiếu nguồn.

2.3. Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT có ý kiến bổ sung thêm

- Lợi thế giá than do vận chuyển, bằng khoảng 60-70 % giá than Quảng Ninh.

- Cân đối nguồn vay, có hạn mức tốt hơn, lãi suất tốt hơn.

- Thu hồi công nợ tốt để quay vòng vốn Đề nghị ban điều hành nhanh nhạy hơn, tiếp cận các nguồn vốn với nhiều kênh khác nhau.

## V - Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội.

### 1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của HĐQT Công ty.

#### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### 2. Báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

#### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### 3. Báo cáo của BKS về hoạt động Công ty năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của BKS Công ty.

#### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### 4. Tờ trình báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 sau kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

#### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

#### **5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.**

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

#### **6. Tờ trình đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty CP xi măng Quán Triều VVMI vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.**

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

#### **7. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2024.**

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

#### **8. Tờ trình đề nghị Đại hội đồng cổ đông 2024 ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các hợp đồng ký kết với các đơn vị có lợi ích liên quan theo quy định tại điều 167 Luật doanh nghiệp:**

##### Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 1.334.228 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

*Nội dung này Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần, chiếm 84,9% vốn điều lệ) là cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch (Là Công ty mẹ của các đơn vị có các Hợp đồng, giao dịch đề nghị chấp thuận) nên không có quyền biểu quyết tại nội dung này.*

#### **9. Tờ trình về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.**

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

**10. Tờ trình của ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.**

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

**11. Tờ trình của ban kiểm soát về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.**

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

**VI. Thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội và bế mạc Đại hội:**

1. Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

\* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

2. Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

\* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

- Tán thành: 22.562.242 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

02  
17  
10  
TR  
M  
CH



Biên bản này đã được thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

3. Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tọa phát biểu cảm ơn và bế mạc Đại Hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI năm 2024, kết thúc vào lúc 11 giờ 55 phút cùng ngày./.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**






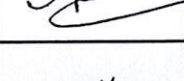
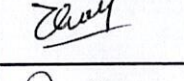


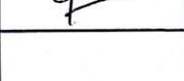
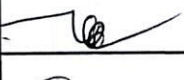

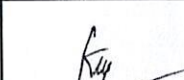
**Nguyễn Văn Toàn**



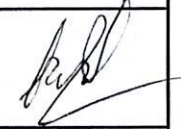

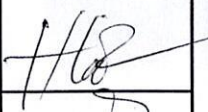

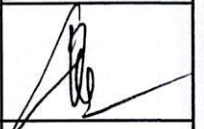

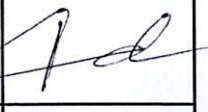
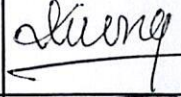
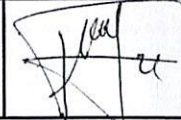
**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**




**Nguyễn Văn Dũng**

**DANH SÁCH ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

STT	Họ và tên cổ đông	Địa chỉ thường trú	Số CMTND (CCCD)	Số lượng cổ phần			Ký xác nhận
				Cổ phần Tham dự	Vốn CP NN	Tổng số CP Tham dự	
01	Nguyễn Văn Dũng	Tổ 3 Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	024066013616	133.000	21.228.014	21.361.014	
02	Trần Việt Cường	Tổ 2, phường Gia Sang - Thành phố Thái Nguyên	019074008720	606.104		606.104	
03	Hà Văn Chuyển	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	030066018317	15.100		15.100	
04	Đỗ Thu Hương	Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội	001172000150	53.000		53.000	
05	Tạ Văn Long	Tổ 7, Phường Quan Triều - TPTN	024079016143	4.600		4.600	
06	Nguyễn Anh Tuấn	Tổ 5, Phường Quang Vinh - TP Thái Nguyên	040083014147	11.100		11.100	
07	Phạm Quang Nam	Tổ 1 Phường Thịnh Đán, TP Thái Nguyên	042074017514	49.300		49.300	
08	Nguyễn Minh Hải	Tổ 8 - P. Tân Long - TP Thái Nguyên	019078001451	7.500		7.500	
09	Hoàng Trung Kiên	Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	019081007899	93.724		93.724	
10	Đoàn Tuấn Phương	Xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	090988266	4.000		4.000	
11	Nguyễn Xuân Hoan	Xóm 6 xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	034058020961	7.000		7.000	

STT	Họ và tên cổ đông	Địa chỉ thường trú	Số CMTND (CCCD)	Số lượng cổ phần			Ký xác nhận
				Cổ phần Tham dự	Vốn CP NN	Tổng số CP Tham dự	
12	Dương Thị Hương	Xóm Thống Nhất, Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	019174014476	7.500		7.500	
13	Nông Thị Định	Xóm Thống Nhất, Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	091898261	4.000		4.000	
14	Nguyễn Văn Bình	Xóm Thống nhất, Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	091058003568	18.000		18.000	
15	Nguyễn Văn Dũng	Xóm Thống nhất, Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	019066009052	10.000		10.000	
16	Nguyễn Tiến Hào	Cao Sơn 1, Sơn Cẩm, Thành phố Thái Nguyên	019084004618	29.000		29.000	
17	Lương Thành Đạt	Xóm Góc Vôi, Cao Ngạn, Thành phố Thái Nguyên	019090011469	47.000		47.000	
18	Đào Trung Dũng	Tổ 14 phường Hoàng Văn Thụ - Thành phố Thái Nguyên	019079007116	15.000		15.000	
19	Nguyễn Thị Minh Thu	Xóm Hồng, Phúc Hà, Thành phố Thái Nguyên	019190013678	4.000		4.000	
20	Đỗ Mạnh Dũng	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên	090698672	65.000		65.000	
21	Nguyễn Hải Đường	Thị Trấn Hùng Sơn, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên	019058000126	10.000		10.000	
22	Nguyễn Ngọc Trung	Tổ 1, Phường Tân Long, TP Thái Nguyên	019089001191	89.300		89.300	



STT	Họ và tên cổ đông	Địa chỉ thường trú	Số CMTND (CCCD)	Số lượng cổ phần			Ký xác nhận
				Cổ phần Tham dự	Vốn CP NN	Tổng số CP Tham dự	
23	Khuất Cao Khuê	Số 149 Tổ dân phố 7, P. Trung Sơn Trầm, TX Sơn Tây, TP Hà Nội	001095023512	51.000		51.000	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.334.228</b>	<b>21.228.014</b>	<b>22.562.242</b>	

Số: 10/NQ - ĐHĐCĐ

Thái nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI ngày 23/4/2024;

Tham dự Đại hội có 23 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 22.562.242 cổ phần, bằng 90,25 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, Đại hội đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội và thống nhất quyết nghị như sau.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI nhất trí thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 với một số kết quả như sau;

**1.1. Kết quả SXKD năm 2023:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	780.000	689.963	88,46
2	Tổng doanh thu	tr.đ	702.743	618.108	87,96
3	Cổ tức	%	8	8	100
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu.đ	46.000	30.260,8	65,78
5	Lao động bình quân	Người	351	350	99,72
6	Tiền lương BQ	đ/ng/th	11.546.534	10.940.686	94,75

## 1.2. Công tác đầu tư xây dựng năm 2023:

	Danh mục	Đơn vị	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh %
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>35.755</b>	<b>5.091</b>	<b>3.679,5</b>	<b>72,3</b>
1	Đầu tư trạm cân điện tử 120 tấn	tr.đ	2.155	966	88	9,1
2	Cải tạo hệ thống lọc bụi tĩnh điện sang lọc bụi túi vải - công đoạn nghiền liệu 221	tr.đ	30.350	450	0	0
3	Mở rộng nhà điều hành sản xuất	tr.đ	3.250	1.595	117	7,3
4	Thiết bị duy trì sản xuất năm 2023	tr.đ	4.992	2.080	3.474,5	167

2. Thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

3. Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 2024 của BKS Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

4. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 sau kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Phương án công ty đề nghị	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>34.005.236.637</b>	
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận năm trước chuyển sang	"	6.188.248.036	
	- Lợi nhuận năm nay	"	27.816.988.601	
<b>2</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>	<b>7.760.550.847</b>	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	0	
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2 tháng lương BQ)	"	7.638.066.354	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng 40%	"	3.055.226.542	
	+ Quỹ phúc lợi 60%	"	4.582.839.812	
c	Trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (Trích 1 tháng lương BQ người quản lý chuyên trách)	"	122.484.493	
<b>3</b>	<b>Phương án trả cổ tức năm 2023</b>			

AB  
 CỘ  
 CỘ  
 XI  
 QU  
 A

a	Tỷ lệ trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.	%	8	
b	Tỷ lệ trả cổ tức đề nghị.	%	8	
c	Số tiền trả cổ tức.	Đồng	20.000.000.000	
4	<b>Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên</b>	<b>Đồng</b>	<b>6.244.685.790</b>	

6. Thông qua việc đề nghị Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024;

7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 như sau:

7.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	16.938
2	Sản lượng Tiêu thụ	Tấn	700.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	620.294
4	Cổ tức	%	5
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	22.600
6	Lao động bình quân	Người	351
7	Tiền lương bình quân	Đ/ng.th	10.802.469

Căn cứ cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch chính nêu trên. Giao cho HĐQT và Giám đốc Công ty chủ động xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD thực tế và phải đảm bảo kết quả không thấp hơn kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7.2 Kế hoạch đầu tư xây dựng 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2024
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>88.843</b>	<b>4.257</b>
<b>I</b>	<b>Dự án công trình chuyển tiếp năm 2023 chuyển sang 2024.</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>7.577</b>	<b>2.695</b>
1	Kiểm toán dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023.	Tr.đồng	4.510	29
2	Dự án đầu tư mở rộng nhà điều hành sản xuất.	Tr.đồng	3.067	2.666
<b>II</b>	<b>Công tác chuẩn bị dự án</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>75.575</b>	<b>1.060</b>
1	Cải tạo hệ thống lọc bụi lọc bụi công đoạn làm nguội clinker	Tr.đồng	34.788	480
2	Cải tạo hệ thống lọc bụi lọc bụi công đoạn Nghiền liệu.	Tr.đồng	34.788	480

2408  
NG T  
PH  
M  
N TR  
VM  
TH

3	Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải	Tr.đồng	5.000	100
<b>III</b>	<b>Dự án dự phòng.</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>6.691</b>	<b>502</b>
1	Dự án Trạm cân điện tử 120 tấn	Tr.đồng	2.155	174
2	Dự án đầu tư thiết bị bảo vệ môi trường	Tr.đồng	4.536	328

Căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng. Giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư đảm bảo đúng tiến độ của kế hoạch đầu tư đã đề ra.

**8. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT về việc thực hiện các hợp đồng liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp cụ thể như sau:**

8.1. Chấp thuận các hợp đồng kinh tế HĐQT đã trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 (*Có danh sách và dự thảo hợp đồng kèm theo*).

8.2. Ngoài các hợp đồng đã được chấp thuận tại điều 8.1 nêu trên, trong quá trình SXKD, nếu có phát sinh các hợp đồng liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT xem xét và chấp thuận các hợp đồng phát sinh từ sau kỳ Đại hội này đến kỳ đại hội thường niên năm 2025 theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hiện hành của Công ty. Báo cáo việc thực hiện các hợp đồng liên quan vào kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2025.

**9. Thông qua quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.**

**9.1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2023 cho HĐQT, BKS.**

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)	T/H năm 2023 (đ)
<b>Thành viên HĐQT</b>				
1. Ông Nguyễn Văn Dũng (12 tháng)	1	4.760.000	4.760.000	57.120.000
2. Ông Hà Văn Chuyên (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
3. Ông Đỗ Ngọc Huy (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
4. Ông Trần Việt Cường (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
5. Bà Đỗ Thu Hương (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
<b>Thành viên BKS</b>				
1. Bà Phạm Thị Thúy Nga (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung (12 tháng)	1	4 000 000	4 000 000	48.000 000
<b>Tổng Cộng</b>				<b>345.120.000</b>

377  
Y  
N  
G  
I  
E  
U  
K  
T  
G



## 9.2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 cho HĐQT, BKS.

Chức danh	Số người	Kế hoạch (đồng/tháng)	KH năm 2024 (đồng/năm)
1. Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	57.120.000
2. Thành viên HĐQT	4	4.000.000	192.000.000
3. Thành viên BKS	2	4.000.000	96.000.000
<b>Tổng Cộng</b>			<b>345.120.000</b>

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

10. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024. Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 05 đơn vị kiểm toán có uy tín sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 như sau:

- Công ty TNHH kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

11. Thông qua Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua giao HĐQT chủ động xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết sát với điều kiện thực tế từng thời điểm và chỉ đạo ban điều hành Công ty triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu của Đại hội đã giao.

Nghị quyết này đã được thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự tán thành của tất cả cổ đông tham dự Đại hội ngày 23/4/2024 (Biểu quyết tán thành 100%)./.

### Nơi nhận:

- UBCKNN (Thay báo cáo);
- Công bố trên Website Cty;
- Các TV HĐQT, sở GD&ĐT;
- Các TV BKS;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu TCHC, TK HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Văn Dũng

**DANH SÁCH GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI NĂM 2024**

(Kèm theo nghị quyết số ...10.../NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024)



Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Giao dịch			Ghi chú
				Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị (đồng)	
1	Công ty than Núi Hồng VVMI	NCLQ	Xóm cây thị, xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Vận chuyển than bằng đường sắt năm 2024	40.000,0	2.000.000.000	
2	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	NCLQ	Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Mua than cám năm 2024	93.000	162.266.500.000	
3	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	NCLQ	Số 2, đường Hoàng Văn thụ, TP Thái Nguyên	Mua các loại sản phẩm sữa tươi năm 2024	291.755	1.411.627.392	
4	Công ty than Khánh Hòa VVMI	NCLQ	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Mua đá vôi thái năm 2024	698.862	26.906.193.112	
5	Công ty than Khánh Hòa VVMI	NCLQ	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Mua đá thải sau sàng năm 2024	90.000	4.455.000.000	
6	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI	NCLQ	Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Thuê Kho chứa hàng hóa năm 2024	12	300.000.000	
7	Công ty than Núi Hồng VVMI	NCLQ	Xóm cây thị, xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Mua vỏ bao	3.460.000	19.277.805.600	

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

*Về việc vận chuyển than bằng đường sắt năm 2024*

Số: /HĐKT

Căn cứ Bộ:

- Luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Thương mại nước CHXHCN Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật đường sắt nước CHXHCN Việt Nam số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;
- Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển than bằng đường sắt năm 2024 do tổ tư vấn lập và được Giám đốc thông qua ngày / /202.....
- Biên bản thương thảo ngày / /202.... giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều và Công ty Than Núi Hồng VVMI

Hôm nay, ngày tháng năm 202... , tại Công ty than Núi Hồng - VVMI

Chúng tôi gồm:

**I/- ĐẠI DIỆN CÔNG TY THAN NÚI HỒNG -VVMI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (Sau đây gọi là Bên A)**

Địa chỉ: Yên Lãng - Đại Từ - Thái Nguyên.

Do ông: **Nguyễn Quốc Tuấn** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Có tài khoản số: 3901000000359 Tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Chi nhánh Thái Nguyên

Điện thoại số: 0208 3826138; FAX: 0208 3826138

Mã số thuế: 01 001 00015 - 001

**II/ ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU -VVMI (Sau đây gọi là Bên B).**

Địa chỉ: Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

Do ông: **Trần Việt Cường** - Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Có tài khoản số: 114000028142 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

Điện thoại số: 0208 3843185; FAX: 0208 3843185

Mã số thuế: 4600409377

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng vận chuyển than bằng đường sắt với các điều khoản sau:

**Điều 1: Giá trị hợp đồng (Số lượng, giá cả).**

- Bên B thuê Bên A vận chuyển than cám Núi Hồng bằng đường sắt từ kho than Núi Hồng đến kho than Trạm trộn PX Băng tải - Công ty than Núi Hồng (xóm 3, xã Phúc Hà, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên) như sau:

- Đơn giá vận chuyển: **50.000 đồng/tấn** ( Năm mươi bốn nghìn đồng một tấn)

- Giá trên chưa gồm thuế VAT và cả chi phí bốc xúc than lên phương tiện vận tải của Bên B tại kho than Trạm trộn , nếu trường hợp Nhà nước có điều chỉnh thuế VAT thì Hai bên sẽ tự động thực hiện điều chỉnh theo quy định Nhà nước

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển: **40.000 tấn ( ± 10%).**

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

**Điều 2: Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận.**

- Thời gian vận chuyển: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

- Nơi xếp hàng: Kho than Núi Hồng - Yên Lãng - Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

- Nơi giao hàng: Qua cân ô tô của Bên A tại kho than Trạm trộn trên phương tiện vận chuyển của Bên B.

**Điều 3: Trách nhiệm mỗi bên.**

**1- Trách nhiệm của bên A:**

- Vận chuyển than theo kế hoạch đăng ký của Bên B từ kho than Núi Hồng đến kho than Trạm trộn của Bên A.

- Bố trí thiết bị xúc bốc than lên phương tiện vận tải của Bên B đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

- Hàng tháng cùng Bên B đối chiếu số lượng than vận chuyển thực xuất trên hoá đơn. Lập biên bản đối chiếu số lượng để làm cơ sở thanh quyết toán giữa hai bên.

- Bên A có trách nhiệm viết hoá đơn GTGT tiền cước vận chuyển hàng tháng cho Bên B.

**2- Trách nhiệm của bên B:**

- Đăng ký với Bên A khối lượng vận chuyển than hàng tháng chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng.

- Đăng ký số xe vận chuyển than gửi Bên A để làm cơ sở theo dõi xuất than.

- Bố trí xe vận chuyển đến nhận than tại kho than Trạm trộn của Bên A đúng tiến độ.

- Chấp hành các quy định thủ tục xuất bán than của Công ty than Núi Hồng – VVMI.

- Hàng tháng cùng Bên A đối chiếu số lượng than vận chuyển thực xuất trên hoá đơn. Lập biên bản đối chiếu số lượng để làm cơ sở thanh quyết toán giữa hai bên.

**Điều 4: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.**

- Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Hàng tháng hai bên cùng nhau đối chiếu số lượng than vận chuyển trong tháng. Lập biên bản để làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai đơn vị. Bên B thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A cấp hoá đơn GTGT cho Bên B.

**Điều 5: Điều khoản thi hành.**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng đã ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phải thông báo cho nhau để hai bên gặp gỡ giải quyết. Nếu không tự giải quyết được thì đưa ra toà án kinh tế tỉnh Thái Nguyên giải quyết, phán quyết của toà án là kết luận cuối cùng mà hai bên phải thực hiện. Hợp đồng này sẽ tự động thanh lý (mà không phải lập văn bản) sau 30 ngày kể từ khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 và được lập thành 6 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 3 bản, bên B giữ 3 bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
Giám đốc

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
Giám đốc

**TRẦN VIỆT CƯỜNG**

**NGUYỄN QUỐC TUẤN**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ  
VIỆT BẮC TKV - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HD-KTKH

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

## DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2024

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

*Hôm nay, tại Văn phòng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP chúng tôi gồm:*

### I. Đại diện Bên bán (Goi tắt là Bên A):

#### TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ : Số 1 Phan Đình Giót - P. Phương Liệt - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội

Điện thoại : 024.36647975

Fax: 024.36647493

Tài khoản số : 21310000299702 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam Hà Nội.

Tài khoản số: 1410206555666 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN. Mỹ Đình

Tài khoản số: 61628888401 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Mã số thuế : 0100100015

Đại diện : Ông Trịnh Hồng Ngân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

### II. Đại diện Bên mua (Goi tắt là Bên B):

#### CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ : Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 0208.3843185

Fax: 0208.3843185

Tài khoản số: 114000028142

Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thái Nguyên

Mã số thuế : 4600409377

Đại diện : Ông Trần Việt Cường

Chức vụ: Giám đốc

*Hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng mua bán than năm 2024 với các điều khoản cụ thể dưới đây:*

#### **Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:**

1.1. Chung loại: + Than cám 4a.3 (mã sản phẩm 04-C4A.3).

+ Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6).

+ Than cám 7B (mã sản phẩm: CKH 07B)

1.2. Khối lượng: 93.000 tấn ( $\pm 10\%$ ) than các loại,

Trong đó + Than cám 4a.3: 46.000 tấn

+ Than cám 5a.6: 9.000 tấn

+ Than cám 7B: 38.000 tấn

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020, TCCS 04:2012/VINACOMIN và các thỏa thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu	Than cám 4a.3 (TCVN 8910:2020)	Than cám 5a.6 (TCVN 8910:2020)	Than cám 7B (TCCS 04:2023/TKV)
1. Cỡ hạt (mm):	$\leq 25$	$\leq 25$	$\leq 25$
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10	10	10
2. Độ tro khô $A^k$ (%):			
Trung bình:	21,00	29,00	52,50
Giới hạn:	19,01 ÷ 23,00	27,01 ÷ 31,00	50,01 ÷ 55,00
3. Độ ẩm toàn phần $W^{tp}$ (%):			
Trung bình:	20,00	10,50	10,50
Không lớn hơn:	23,00	14,00	13,00
4. Chất bốc khô $V^k$ (%):			
Trung bình:	9,00	12,00	14,00
Không lớn hơn:	12,00	14,00	17,00
5. Lưu huỳnh chung khô $S_{ch}^k$ (%):			
Trung bình:	3,00	2,00	2,85
Không lớn hơn:	4,00	3,00	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô $Q_{gr}^k$ (cal/g)			
Không nhỏ hơn:	6.100	5.350	3.300

### 1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần ( $W^{tp}$ ) để giao nhận: theo thực tế.

(b) Độ ẩm toàn phần ( $W^{tp}$ ) để xác định khối lượng than thanh toán:

Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2023/TKV (20% đối với than cám 4a.3; 10,5% đối với than cám 5a.6; 10,5% đối với than cám 7B). Các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác độ ẩm trung bình sẽ được quy về độ ẩm trung bình để xác định khối lượng than thanh toán.

(c) Nhiệt năng trung bình của than mua bán:

Than cám 4a.3 (mã sản phẩm 04-C4A.3): 6.225 cal/g

Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6): 5.500 cal/g

Than cám 7B (mã sản phẩm: CKH 07B): 3.500 cal/g

## Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ than Núi Hồng và Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành. Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 phần giao cho Bên Mua, 01 phần giao cho Bên Bán, 01 phần để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Bán phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Mua trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

- Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại các khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

- Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thỏa thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

#### 2.4. Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

+ Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

+ Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

+ Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W_t^{p_t}}{100 - W_0^{p_0}}$$

Trong đó:

$G_q$ : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

$G_t$ : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

$W_t^{p_t}$ : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Bán và được Bên Mua thống nhất.

$W_0^{p_0}$ : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2023/TKV

#### 2.5. Biên bản giao nhận than:

- Biên bản giao nhận than được lập trước 9 giờ sáng hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày hôm trước.

- Cứ mỗi 7 ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của 07 ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở thanh toán tiền hàng.

### Điều 3. Tiến độ giao hàng:

3.1. Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng.

3.2. Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3. Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp. Trong trường hợp này, Bên Bán được quyền từ chối giao than và không chịu trách nhiệm về việc thiếu than sản xuất của Bên Mua.

3.4. Lịch giao nhận hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán ủy quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

#### **Điều 4. Phương tiện vận chuyển:**

Vận chuyển bằng ô tô của Bên Mua (Bên Mua bố trí phương tiện đến nhận hàng tại kho Bên Bán).

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.

#### **Điều 5. Giá cả, thanh toán:**

5.1. Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán (chưa bao gồm thuế GTGT) thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam công bố từng thời điểm.

- Giá than thanh toán được điều chỉnh theo nhiệt trị thực nhận so với nhiệt trị trung bình tham chiếu theo công thức sau:

Giá FOB thanh toán (theo nhiệt trị thực nhận) = [(Giá than/Nhiệt trị trung bình)\*Nhiệt trị thực nhận]

- Giá than (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 1092/QĐ-TKV ngày 30/6/2023 của TKV, cụ thể:

Than cám 4a.3 (mã sản phẩm 04-C4A.3): 1.949.000 đồng/tấn

Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6): 2.059.000 đồng/tấn

Than cám 7B (mã sản phẩm: CKH 07B): 1.035.000 đồng/tấn

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam phù hợp với các quy định hiện hành. Trong trường hợp Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thay đổi giá bán than trong quá trình hai Bên thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

5.2. Thủ tục thanh toán: Bộ chứng từ thanh toán gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng.

+ Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).

+ Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng hoặc bù trừ công nợ.

5.4. Thời hạn thanh toán:

Trước 14 giờ ngày thứ Sáu hàng tuần, hai bên lập Biên bản xác nhận khối lượng, giá trị than đã giao nhận trong vòng 07 ngày trước đó. Căn cứ Biên bản và bộ chứng từ



thanh toán theo quy định, Bên Mua có trách nhiệm chuyển trả tiền cho Bên Bán trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản xác nhận tuân.

Trường hợp Bên Mua thanh toán chậm, để dư nợ vượt hạn mức được phê duyệt, Bên Bán có quyền dừng giao than cho đến khi Bên Mua thanh toán xong cho Bên Bán số tiền vượt quá hạn mức dư nợ cho phép cùng khoản tiền lãi chậm trả phát sinh, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Lãi suất chậm trả bằng 1,5 lần mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng cho tổ chức, doanh nghiệp do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Tây Thăng Long hoặc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam Hà Nội công bố tại từng thời điểm đối với số tiền vượt hạn mức.

- Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu hàng hóa, công nợ phát sinh trong tháng trước đó, trong đó xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

- Trong trường hợp dừng giao than, Bên Bán không phải cấp bù khối lượng than thiếu hụt do tạm dừng giao nhận và không phải chịu trách nhiệm về việc Bên Mua thiếu than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các bên:**

##### **6.1. Bên Bán:**

+ Đảm bảo đủ nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Bên Bán giao: Công ty Than Khánh Hòa - VVMI và Công ty Than Núi Hồng - VVMI thay mặt Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP:

- Tổ chức thực hiện việc giao than cho Bên Mua;

- Viết hóa đơn giá trị gia tăng điện tử cho Bên Mua; đối chiếu khối lượng, chất lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Hai Bên thống nhất rằng: Khối lượng và chất lượng lô hàng được căn cứ theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng, chất lượng kèm theo lô hàng do Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin cấp.

##### **6.2. Bên Mua:**

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các quy định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hóa trên đường vận chuyển từ kho Bên Bán về nơi sử dụng.

+ Thanh toán tiền hàng kịp thời cho bên Bán.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

#### **Điều 7. Bất khả kháng:**

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống sau đây hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

- a) Bão lớn, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;
- b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;
- c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hoạt động thù địch của nước ngoài;
- d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;
- e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;
- f) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại mục 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại mục 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

## **Điều 8. Giải quyết tranh chấp:**

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

**Điều 9. Các điều khoản chung:**

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

9.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thường xuyên thông báo cho nhau những vấn đề liên quan tới hợp đồng, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 và được lập thành 06 (sáu) bản có cùng nội dung, giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
Giám đốc

**Trần Việt Cường**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
Tổng giám đốc

**Trịnh Hồng Ngân**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

\*\*\*\*\*

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Số: /HD/XMQT-KSTN

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Luật thương mại năm 2005 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại văn phòng Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI - xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Chúng tôi gồm có:

**BÊN MUA :CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (BÊN A)**

Địa chỉ : Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 84-02083 843185

Mã số thuế : 4600409377.

Tài khoản : 114000028142 Tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên

Đại diện : Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc

**BÊN BÁN : CÔNG TY CP KHÁCH SẠN THÁI NGUYÊN VVMI (BÊN B)**

Địa chỉ : Số 2, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.

Điện thoại : 02083.855.361

Mã số thuế : 4600422402

Tài khoản : 119000022974 Tại NH TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên

Đại diện : Ông Nguyễn Văn An Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên thoả thuận và thống nhất ký Hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

**Điều I: Phạm vi cung cấp, đơn giá, giá trị hợp đồng**

1-Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán sản phẩm sữa tươi của các hãng sản xuất trong nước với chủng loại, số lượng giá trị như sau:

TT	Tên hàng	Đặc điểm, thông số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Sữa tươi tiệt trùng ADM 110ml Vinamilk	- Hộp nhỏ loại thể tích 110 ml - Hộp đóng gói gọn gàng, đảm bảo an toàn v/s thực phẩm - Thành phần dinh dưỡng: Năng lượng Kcal/100ml : 63,4 – 92,6 Hàm lượng chất khô g/100 ml : 13,5 – 20,2 Hàm lượng chất béo g/100 ml : 2,2 – 3,4 Hàm lượng chất đạm g/100ml : 2,8 – 3,6 Hàm lượng hydrat cacbon g/100ml : 8 – 12 - PH : 6,4 – 6,8 - Vitamin A IU/100 ml : 105-225 - Vitamin D3 IU/ 100 ml : 21- 45 - Canxi mg/100 ml : 70 - 150	Hộp	291.755	4.480	1.307.062.400
Công tiền hàng trước thuế						1.307.062.400
Thuế GTGT (8%)						104.564.992
Tổng giá trị hàng hóa sau thuế						1.411.627.392

Số tiền bằng chữ: Một tỉ, bốn trăm mười một triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng /.

**Ghi chú:** Giá trên đã bao gồm thuế VAT 8% và các loại phí khác, nếu trường hợp Nhà nước có điều chỉnh thuế VAT thì Hai bên sẽ tự động thực hiện điều chỉnh theo quy định Nhà nước

2-Hợp đồng theo đơn giá cố định

**Điều II: Chất lượng, tiến độ giao hàng:**

1-Chất lượng: Bên B chịu trách nhiệm với bên A về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc sản phẩm, chủng loại theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng mới 100%.

2-Tiến độ giao hàng: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 và được giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ khi có đơn đặt hàng của bên mua.

3-Địa điểm giao hàng: Hàng được giao tại kho Bên A.

**Điều III: Giá trị, phương thức thanh toán**

1-Giá trị thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B theo số lượng sản phẩm thực tế giao nhận của hai bên.

2-Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên B nhận đủ hàng theo yêu cầu từng thời điểm, hóa đơn tài chính đúng quy định của nhà nước.

3-Chế độ bảo hành: Sản phẩm được bảo hành theo yêu cầu của nhà sản xuất, còn hạn sử dụng tối thiểu là 3 tháng (tính từ ngày giao hàng), trong thời gian bảo hành nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng làm ảnh hưởng đến sức khỏe CB CNV của bên A thì Bên B phải có trách nhiệm đổi hàng và bồi hoàn giá trị thiệt hại cho bên A.

**Điều IV: Trách nhiệm của mỗi bên.**

1-Trách nhiệm của Bên A.

-Bổ trí cán bộ giám sát việc thực hiện giao hàng.

-Tiếp nhận và nghiệm thu hàng khi Bên B giao.

-Thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng theo phương thức tại Điều III.2 của hợp đồng này.

2-Trách nhiệm của Bên B

-Giao hàng theo đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và tiến độ giao hàng.

-Chịu trách nhiệm nguồn gốc hàng, hóa đơn tài chính khi giao hàng.

-Vận chuyển và bốc xếp hàng vào kho tại các điểm nhận hàng của Bên A, cùng Bên A làm biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng giao, thực hiện chế độ bảo hành theo quy định tại điều III.3 hợp đồng này.

**Điều V: Điều khoản thực hiện.**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày kí đến khi hai bên thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trong hợp đồng thì coi như hợp đồng tự động hết hiệu lực mà không cần lập biên bản thanh lý.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc với trách nhiệm cao tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại gì hai bên cùng bàn bạc để giải quyết trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo lợi ích của mỗi bên.

Hợp đồng này được lập thành 4 bản, Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 2 bản để thực hiện /.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
Giám đốc

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
Giám đốc

Trần Việt Cường

Nguyễn Văn An

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

Số:...../HĐMB/TKH-XMQT

Về việc mua bán đá vôi thải

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ tờ trình số 3157/TTr-TKH ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Công ty than Khánh Hòa - VVMI về việc xây dựng kế hoạch PHKD năm 2024;

- Căn cứ Tờ trình của Tổ tư vấn lập và đã được Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI duyệt ngày 07/12/2023 V/v tổ chức mua bán đá vôi, đá sau sàng tuyển, đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2024;

- Căn cứ Biên bản thương thảo V/v mua bán đá vôi thải làm nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2024 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI ngày...tháng 12 năm 2023.

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2024, tại Văn phòng Công ty than Khánh Hòa - VVMI, chúng tôi gồm có:

**I. BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên A)**

- Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3843 185
- Tài khoản: 114000028142 Ngân hàng Công thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600409377
- Đại diện: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc

**II. BÊN BÁN: CÔNG TY THAN KHÁNH HÒA - VVMI (Gọi tắt là bên B)**

- Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm - TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3844 226 Fax: 0208 3844 048
- Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 0100100015-024
- Đại diện: Ông Bùi Ngọc Hùng Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau trao đổi và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng, thời gian thực hiện**

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán đá vôi thải để làm nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều, như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Đá vôi thải	Tấn	698.862	35.000	24.460.175.556
<b>Tổng giá trị hàng hóa trước thuế</b>					<b>24.460.175.556</b>
<b>Thuế GTGT 10%</b>					<b>2.446.017.556</b>
<b>Tổng giá trị hàng hóa sau thuế</b>					<b>26.906.193.112</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, chín trăm linh sáu triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, một trăm mười hai đồng.**

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thực tế theo nhu cầu phục vụ sản xuất của bên A tại từng thời điểm.

- Loại Hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh (điều chỉnh giá dầu diesel tại từng thời điểm theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam)

+ Đơn giá bán theo Hợp đồng đã ký (chưa bao gồm thuế GTGT): 35.000 đồng/tấn. Giá dầu diesel tại thời điểm ký hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) là: 20.373 đồng/lít, tỷ lệ nhiên liệu chiếm trong đơn giá là: 13,6%.

Công thức tính:

$$G_b = G_{hd} + G_{hd} * T_{hd} * \frac{G_{nltt} - G_{nlhd}}{G_{nlhd}}$$

Trong đó:

G<sub>b</sub>: là đơn giá bán một tấn đá thải (chưa bao gồm thuế GTGT) sau khi điều chỉnh giá nhiên liệu.

G<sub>hd</sub>: là đơn giá bán một tấn đá thải (chưa bao gồm thuế GTGT) hợp đồng mà hai bên ký kết.

T<sub>hd</sub>: là tỷ trọng chi phí nhiên liệu trong đơn giá hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

G<sub>nltt</sub>: là giá dầu diesel (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm điều chỉnh.

G<sub>nlhd</sub>: là giá dầu diesel (chưa bao gồm thuế GTGT) hợp đồng đã ký kết.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024

## **Điều 2: Chất lượng đá vôi**

- Đá vôi thải dùng để làm nguyên liệu sản xuất cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI yêu cầu phải có thành phần hóa học thỏa mãn các chỉ tiêu cụ thể sau:

STT	Chỉ tiêu thành phần	Giá trị (%)
1	Hàm lượng CaO	≥46
2	Hàm lượng MgO	≤2

- Đá vôi không lẫn các tạp chất có hại cho thiết bị gia công của bên A như sắt thép và các tạp chất có ảnh hưởng đến chất lượng khác.

- Kích thước đá vôi thải trước khi đưa vào nhập kho chiều lớn nhất < 800 (mm). Nếu vượt quá kích thước trên gây ách tắc sản xuất và hư hỏng thiết bị của bên A thì bên B phải chịu toàn bộ chi phí thiệt hại.

- Chất lượng đá vôi thải được kết hợp giám sát của hai bên, bên A sẽ cử đại diện đến tại khai trường bên B kiểm tra sơ bộ đánh giá và phân loại chất lượng. Sau khi đánh giá bên A thông báo cho bên B để bên B tiến hành tập kết về các bãi chứa có chất lượng tương đồng hoặc đổ thải, trong quá trình tập kết nếu chất lượng không như khảo sát thì bên A sẽ thông báo phương án điều chỉnh cho bên B.

- Hai bên phối hợp quy hoạch bãi chứa để có hai khu vực chứa đá có hai khoảng chất lượng khác nhau nhằm phục vụ cho quá trình tập kết và đồng nhất.

- Chất lượng đá vôi thải cụ thể được kiểm nghiệm phân tích tại phòng hóa nghiệm bên A làm căn cứ nghiệm thu.

### **Điều 3: Giao nhận, vận chuyển**

- Bên B có trách nhiệm bốc dỡ và vận chuyển đá vôi thải đổ vào phễu tiếp liệu thuộc trạm nghiền sản xuất theo hướng dẫn của bên A.

- Cuối mỗi ngày hai bên làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải của bên B làm cơ sở phát hành hoá đơn tài chính.

### **Điều 4: Trách nhiệm của các bên**

#### ***4.1 Trách nhiệm bên A***

- Vào ngày 20 hàng tháng phải đăng ký số lượng mua hàng của tháng liên kế với bên B để bên B có kế hoạch chuẩn bị đủ số lượng và thời gian giao nhận.

- Chuẩn bị đủ điều kiện kho bãi, thiết bị hoạt động tốt để bên B thuận lợi trong việc cấp đá tại phễu tiếp liệu trạm đập.

- Cuối mỗi ngày cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.

- Nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng hóa và thanh toán, bù trừ giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B.

#### ***4.2 Trách nhiệm bên B***

- Bên B cung cấp đá vôi thải đúng tiến độ, số lượng của bên A trên cơ sở hợp đồng ký kết.

- Cuối mỗi ngày cùng bên A làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán qua cân băng tải làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên. Trường hợp khi nghiệm thu sản lượng bên A có sai lệch so với cân băng mà xác định là cân băng sai, thì khối lượng đá vôi thải sẽ được nghiệm thu theo bài toán phối liệu của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

- Phối hợp với bên B để đối chiếu khối lượng, giá trị thanh toán và bù trừ công nợ.

### **Điều 5: Thanh toán**

5.1. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 45 ngày khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

+ Hóa đơn GTGT do bên B phát hành theo quy định.

+ Biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

- Đơn vị thụ hưởng: Công ty than Khánh Hòa - VVMI.

Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên.

5.2. Bên B đồng ý cho bên A được nợ một khoản thanh toán tiền hàng với hạn mức là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) bao gồm cả dự nợ ngày 31/12/2023. Theo đó bên A sẽ phải thực hiện việc thanh toán giá trị tiền hàng phát sinh đảm bảo rằng không nợ vượt hạn mức số tiền trên. Trường hợp bên A chậm thanh toán thì bên A phải trả lãi suất bằng lãi suất tiền vay ngắn hạn ngân hàng do Vietinbank công bố tại thời điểm đó.



### **Điều 6: Điều khoản khác**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh đưa đến việc sửa đổi hợp đồng cho phù hợp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần xây dựng và hợp tác, bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký xác nhận.

- Mọi tranh chấp trong thời hạn thực hiện hợp đồng, nếu có sẽ được giải quyết trước hết thông qua hòa giải và thương lượng hợp tình, hợp lý. Các điều kiện và điều khoản khác không nêu trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong trường hợp hòa giải và thương lượng bất thành, sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi bị khởi kiện. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng mang tính ràng buộc cả hai bên. Các lệ phí tòa án do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này gồm bốn (04) trang và được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**

**Trần Việt Cường**

**Bùi Ngọc Hùng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

Số /HĐMB/TKH-XMQT  
Về việc mua bán đá thải sau sàng

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Công văn số 2167/CMV-KTM ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổng Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc sử dụng đá thải sau sàng của mỏ than Khánh Hòa sản xuất Clinker thử nghiệm;
- Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ -TKH ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Công ty than Khánh Hòa - VVMI về việc ban hành đơn giá bán đá thải sau sàng;
- Căn cứ Tờ trình của Tổ tư vấn lập và đã được Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI duyệt ngày 07/12/2023 V/v tổ chức mua bán đá vôi, đá sau sàng tuyển, đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2024;
- Căn cứ Biên bản thương thảo V/v mua bán đá thải sau sàng làm nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2024 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty than Khánh Hòa VVMI ngày...tháng 12 năm 2023.

Hôm nay, ngày...tháng 12 năm 2023 tại văn phòng Công ty than Khánh Hòa-VVMI thành phần tham gia ký kết Hợp đồng gồm có:

**I. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Gọi tắt là bên A)**

- Địa chỉ: Xã An Khánh , H. Đại Từ, T. Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208 3843185
- Số tài khoản: 114000028142 tại NHTMCP Công Thương- CN Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600409377
- Đại diện: Ông **Trần Việt Cường** Chức vụ: **Giám Đốc**

**II. CÔNG TY THAN KHÁNH HOÀ - VVMI (Gọi tắt là bên B)**

- Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm - TP. Thái Nguyên -tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại số: 02083 844 226 Fax: 02083 844 048
- Tài khoản: 115000022938 Ngân hàng TMCP Công Thương Thái Nguyên
- Mã số thuế: 0100100015 - 024
- Đại diện: Ông **Bùi Ngọc Hùng** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau trao đổi và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng, thời gian thực hiện**

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán Đá thải sau sàng để làm nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất xi măng của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, cụ thể như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Đá thải sau sàng (độ tro Ak $\geq$ 71%)	Tấn	90.000	45.000	4.050.000.000
<b>Tổng giá trị hàng hóa trước thuế</b>					<b>4.050.000.000</b>
<b>Thuế GTGT 10%</b>					<b>405.000.000</b>
<b>Tổng giá trị hàng hóa sau thuế</b>					<b>4.455.000.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng.**

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thực tế theo nhu cầu phục vụ sản xuất của bên A tại từng thời điểm.

- **Loại Hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

- **Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2024 đến hết 31/12/2024

## **Điều 2: Địa điểm, phương thức giao nhận hàng**

2.1 Địa điểm giao nhận: Trên phương tiện vận chuyển của bên A tại khu tập kết đá thải sau sàng của bên B.

2.2 Hình thức giao nhận: Qua cân điện tử của bên B.

## **Điều 3: Trách nhiệm các bên**

### **3.1 Trách nhiệm của bên A**

- Vào ngày 20 hàng tháng phải đăng ý số lượng mua hàng của tháng liên kết với bên B

- Đăng ký số lượng xe thực hiện vận chuyển khối lượng đá thải sau sàng với bên B. Xe vận chuyển phải dán phù hiệu của bên A.

- Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ chấp hành đúng các nội quy, quy định của bên B.

- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác an toàn cho người, thiết bị trong quá trình vận chuyển từ kho bãi của bên B đến vị trí tập kết hàng của bên A.

- Quản lý khối lượng hàng trên đường vận chuyển, chỉ sử dụng khối lượng đá thải sau sàng mua theo hợp đồng này để sản xuất Clinker của đơn vị mình, không được bán cho đơn vị khác.

- Cuối mỗi ngày tiêu thụ cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai bên.

- Thanh toán cho bên B theo cam kết ở Điều 4 của Hợp đồng này.

### **3.2 Trách nhiệm của bên B:**

- Chuẩn bị số lượng đá thải sau sàng đảm bảo khối lượng, chất lượng tiêu thụ theo quy định.

- Phối hợp với Công ty CP giám định - Vinacomin thực hiện giám định về mặt chất lượng và số lượng theo đúng quy định của Nhà Nước, của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam và của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Tạo điều kiện cho phương tiện của bên A vào kho bãi nhận hàng thuận lợi.
- Cuối mỗi ngày tiêu thụ cùng bên A làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán làm cơ sở viết hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Phát hành hoá đơn GTGT theo quy định hiện hành.

#### **Điều 4: Thanh toán**

##### **4.1. Thanh toán:**

Bên A thanh toán 100% giá trị hàng đã mua trong tháng trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên A nhận được biên bản nghiệm thu thanh toán, hóa đơn tài chính theo quy định.

##### **4.2. Hình thức thanh toán:** Bằng chuyển khoản.

#### **Điều 5: Điều khoản khác**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh đưa đến việc sửa đổi hợp đồng cho phù hợp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần xây dựng và hợp tác, bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký xác nhận.

- Mọi tranh chấp trong thời hạn thực hiện hợp đồng, nếu có sẽ được giải quyết trước hết thông qua hòa giải và thương lượng hợp tình, hợp lý. Các điều kiện và điều khoản khác không nêu trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong trường hợp hòa giải và thương lượng bất thành, sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi bị khởi kiện. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng mang tính ràng buộc cả hai bên. Các lệ phí tòa án do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này gồm ba (03) trang và được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**

**Trần Việt Cường**

**Bùi Ngọc Hùng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THUÊ KHO**

**Số: /HĐTK TL-QT**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-XMQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc công ty về việc phê kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ thuê kho chứa Clinker sức chứa >15.000 tấn.

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:

**Bên cho thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP – VVMI (gọi tắt là bên A)**

- Đại diện: **Nguyễn Văn Sinh** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
- Điện thoại: 0253.851.555 Fax: 0253.853.777
- Mã số thuế: 4900243394

**Bên Thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (gọi tắt là bên B)**

- Đại diện là : Ông **Trần Việt Cường** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : 0280 3 843 185 Fax: 0280 3 843185
- Mã số thuế : 4600409377
- Số tài khoản: 114.0000.28142 tại Ngân hàng TMCP Công thương Thái Nguyên.

*Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:*

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

1. Bên A đồng ý cho bên B thuê kho chứa hàng hoá .

Diện tích kho thuê: 2106 m<sup>2</sup>, Nền lát xi măng, mái lợp tôn, có khe thông gió ở tường và trên mái,

2. Địa điểm thuê: Tại nhà máy xi măng Quán Triều Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

3. Đơn giá: 25.000.000 đồng/tháng (Chưa bao gồm thuế VAT)

(Thuế VAT theo quy định hiện hành của Nhà nước tại từng thời điểm)

4. Thời gian thuê: 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến 31/12/2024.

5. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

**ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

- Tiền thuê kho như mô tả tại Điều 1 là:

25.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 300.000.000 đồng.

(Chưa bao gồm thuế VAT)

*Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn*

**ĐIỀU 3. HÌNH THỨC THANH TOÁN**

1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.
2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (Viết tắt: VNĐ)
3. Phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi bên A xuất hoá đơn cho bên B và kèm theo biên bản nghiệm thu thời gian thực hiện.
4. Nghiệm thu và xuất hóa đơn:
  - Hai bên thống nhất nghiệm thu xuất hóa đơn thành 04 lần/năm vào các đợt như sau:
    - + Lần 1 vào 31/3/2024
    - + Lần 2 vào 30/6/2024
    - + Lần 3 vào 30/9/2024
    - + Lần 4 vào 31/12/2024

#### **ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A**

1. **Bên A** có các nghĩa vụ sau đây:
  - Bàn giao mặt bằng kho cho bên B theo đúng thoả thuận
  - Bảo đảm cho Bên B sử dụng ổn định và thuận tiện địa điểm trong thời gian thuê. Chịu trách nhiệm bảo dưỡng sửa chữa nhưng hư hỏng mà không thuộc về nguyên nhân do bên B gây ra.
2. **Bên A** có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:
  - Bên B sử dụng không đúng mục đích thuê.
  - Bên B làm hư hỏng nghiêm trọng địa điểm thuê.
  - Bên B sửa chữa, thay đổi kiến trúc, tự ý cải tạo, nâng cấp địa điểm cho thuê hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần diện tích đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A
  - Bên B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;

#### **ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B**

1. **Bên B** có các nghĩa vụ sau đây :
  - Sử dụng địa điểm thuê đúng mục đích đã thỏa thuận; trường hợp hàng gửi không phải là xi măng, Clinker và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng, bên B phải thông báo trước cho bên A để tiện theo dõi, quản lý.
  - Thanh toán tiền thuê kho cho bên A theo thỏa thuận ở điều 2, điều 3 bản hợp đồng này
  - Chịu trách nhiệm về tình trạng hợp pháp của hàng hoá và thực hiện các khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các thủ tục liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình khi cần thiết.
  - Tự chịu trách nhiệm về việc bảo vệ, bảo quản hàng hoá của mình.
  - Tự phải sửa chữa nhưng gì hỏng hóc do bên B gây ra. Trong thời hạn thuê nếu muốn cải tạo thay đổi kiến trúc thì phải có văn bản và được sự đồng ý kiến của bên A.
  - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
  - Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn cháy nổ, bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng kho chứa hàng.
2. **Bên B** có các quyền sau đây:
  - Nhận địa điểm thuê theo đúng thoả thuận; tự quản lý và xuất nhập hàng hoá.
  - Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên A

#### **ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết và đưa vào phụ lục hợp đồng; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên thuê đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thực hiện xong các điều khoản ghi trong hợp đồng này hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Nguyễn Văn Sinh**

**Trần Việt Cường**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN VỎ BAO XI MĂNG**

**Số: /HĐMB/NH-QT**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày /12/2023 của giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp đơn hàng: Mua sắm Vỏ bao xi măng giấy 3 lớp KPK, 2 lớp KP phục vụ sản xuất xi măng 6 tháng đầu năm 2024, số hiệu đơn hàng: VBXMKPK/2024.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, chúng tôi gồm có:

**1. BÊN BÁN: CÔNG TY THAN NÚI HỒNG - VVMI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP (Bên B)**

**TÊN VIẾT TẮT: CÔNG TY THAN NÚI HỒNG - VVMI**

Đại diện: Ông Nguyễn Quốc Tuấn Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Xã Yên Lãng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280 3826 138 Fax: 0280 3826 139.

Tài khoản: 39010000000359 tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Thái Nguyên.

Mã số thuế: 0100100015-001.

**2. BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI (Bên A)**

Đại diện: Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280. 3843.185

Tài khoản: 114.0000.28142 tại: Ngân hàng TMCP Công thương VN chi nhánh Thái Nguyên.

Mã số thuế: 4600409377

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng, theo đó Bên Mua đồng ý mua và Bên Bán đồng ý bán hàng hóa với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

**Điều 1. Đối tượng của hợp đồng.**

Bên B cung cấp cho bên A vỏ bao xi măng KPK (Loại PCB30 + PCB40) với số lượng, chủng loại và đơn giá như sau:



TT	Danh mục hàng hoá, ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng chào	Đơn giá (Chưa VAT)	Thành tiền
1	Vỏ bao xi măng giấy 3 lớp KPK loại PCB30, PCB40	780±2mm x 420±2mm x 80±2mm	Vỏ	3.000.000	5.265	15.795.000.000
2	Vỏ bao xi măng giấy 2 lớp KP loại PCB30, PCB40	780±2mm x 420±2mm x 80±2mm	Vỏ	460.000	4.467	2.054.820.000
<b>Tổng giá trị hàng hóa trước thuế</b>						<b>17.849.820.000</b>
<b>Thuế GTGT 8%</b>						<b>1.427.985.600</b>
<b>Tổng giá trị hàng hóa sau thuế</b>						<b>19.277.805.600</b>

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Hàng tháng bên A có thông báo bằng văn bản hoặc điện thoại cụ thể về số lượng, chủng loại, tiến độ giao hàng vào ngày 25 của tháng trước và gửi tới bên B.
- Khi Nhà nước thay đổi thuế hoặc do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng mà thuế thay đổi thì hai bên áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm đó.

**Điều 2: Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa.**

- Vỏ bao xi măng 3 lớp KPK và vỏ bao xi măng 2 lớp KP (Loại PCB30, PCB40) đựng xi măng 50kg ± 0,5, được sản xuất mới 100%.

**+ Đối với vỏ bao 3 lớp KPK**

STT	Nội dung	Thông số yêu cầu
1	Kích thước vỏ bao: Loại PCB30, PCB40	Chiều dài: 780±2mm, Chiều rộng: 420±2mm, Bề dày: 80±2mm
2	Lớp ngoài cùng	Bằng giấy Kraft, màu vàng chanh
3	Lớp giữa	Bằng màng PP dệt đều không bỏ sợi và được ép dính vào lớp giấy Kraft ngoài cùng bằng nhiệt trên máy ép, đảm bảo sự bám dính tốt giữa 2 lớp, không bị bong, rách khi sử dụng.
4	Lớp trong cùng	Bằng giấy Kraft
5	Mối dán	Phải đều, đảm bảo độ dính, không bị bong. Bề rộng mối dán 40 ÷ 45 mm. Khoảng cách từ cạnh bao đến mép ngoài mối dán là 60± 5 mm
6	Chỉ may và đường chỉ may	Đường chỉ may cách cạnh bao tối thiểu 15 mm, bước chỉ 12 ÷ 13,5 mm. Chỉ phải có đường kính 0,8 ÷ 1,0 mm.
7	Nẹp bao	Nẹp đơn, bằng cùng loại giấy Kraft, có chiều rộng 49 ÷ 51 mm.
8	Vỏ bao xăm lỗ thoát khí	Số lỗ thoát khí xăm trên vỏ bao phải đảm bảo đủ cho việc thoát khí khi đóng bao và làm sạch vỏ bao. Khi có yêu cầu về thay đổi lỗ xăm trên vỏ bao, Bên mua sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Bán

9	Van bao	Đặt tại vị trí góc phải, phía trên của mặt trước của vỏ bao. Chiều dài: 130 ( $\pm 5$ ) mm Chiều cao: 100 ( $\pm 5$ ) mm Đường chéo miệng van: 90 ( $\pm 5$ )
10	Nhãn hiệu, màu sắc in trên vỏ bao	Theo mẫu quy định của bên mua cung cấp như Market kèm theo HSMCG này. Bao in phải cân đối, rõ nét, không bị nhòe, không bị lệch, màu mực phải đều và đúng màu.
11	Tỷ lệ vỏ bao vỡ, (đối với từng lô hàng)	$\leq 3\%$ (Ba phần nghìn)

**+ Đối với vỏ bao 2 lớp KP**

STT	Nội dung	Thông số yêu cầu
1	Kích thước của vỏ bao: Loại PCB30, PCB40	Chiều dài: 780 $\pm 2$ , Chiều rộng: 420 $\pm 2$ . Bề dày: 80 $\pm 2$ mm
2	Lớp ngoài cùng:	Lớp ngoài cùng bằng giấy Kraft, màu vàng chanh
3	Lớp Giấy Kraft- ép manh tráng PP	Mành PP dẹt đều không bỏ sợi và được ép dính vào lớp giấy Kraft ngoài cùng bằng nhiệt trên máy ép, đảm bảo sự bám dính tốt giữa 2 lớp, không bị bong, rách khi sử dụng
4	Mối dán	Phải đều, đảm bảo độ dính, không bị bong. Bề rộng mỗi dán 35 $\div$ 45 mm. Khoảng cách từ cạnh bao đến mép ngoài mỗi dán là 60 $\pm$ 5 mm
5	Chỉ may và đường chỉ may	Đường chỉ may cách cạnh bao tối thiểu 15 mm, bước chỉ 11 $\div$ 13.5 mm. Chỉ may có đường kính 0.8 $\div$ 1.0 mm.
6	Nẹp bao	Nẹp đơn bằng cùng loại giấy Kraft, có chiều rộng 50 $\div$ 60 mm.
7	Vỏ bao xăm lỗ thoát khí	Số lỗ thoát khí xăm trên vỏ bao phải đảm bảo đủ cho việc thoát khí khi đóng bao và làm sạch vỏ bao. Khi có yêu cầu về thay đổi lỗ xăm trên vỏ bao, Bên mua sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Bán
8	Van bao	Đặt tại vị trí góc phải, phía trên của mặt trước của vỏ bao. Chiều dài: 130 ( $\pm 5$ ) mm Chiều cao: 100 ( $\pm 5$ ) mm Đường chéo miệng van: 90 ( $\pm 5$ )
9	Nhãn hiệu, màu sắc vỏ bao	Theo mẫu quy định của Bên mua cung cấp Market, Bao in cân đối, rõ nét, không bị nhòe, không bị lệch, màu mực đều và đúng màu.
10	Tỷ lệ vỏ bao vỡ, (đối với từng lô hàng)	$\leq 3\%$ (Ba phần nghìn)

- Vỏ bao bên B giao cho bên A được bó thành bó (100 vỏ/01 bó).

- Các lô hàng trước khi nhập kho được nghiệm thu lấy mẫu xác suất kiểm tra quy cách và ngoại quan.

- Độ bền của vỏ bao phải đảm bảo: Đối với lớp giấy ép bên ngoài không được bong rách trong quá trình đóng bao và vận chuyển, lưu kho. Đối với lớp lót bên trong không được rách vụn lẫn vào xi măng trong quá trình sử dụng. Nếu trong quá trình đóng bao tỷ lệ vỡ vượt tỷ lệ vỡ cho phép theo hợp đồng thì bên A sẽ thông báo cho bên B để cùng nhau lập biên bản xác định tỷ lệ căn cứ vào biên bản được hai bên thống nhất lập, bên B phải cấp bù cho bên A số lượng vỏ hư hỏng vượt tỷ lệ vỡ cho phép theo

hợp đồng khi xác định do lỗi của bên B và bên A sẽ hoàn trả toàn bộ số vỏ bao vỡ đúng như số vỏ mà bên B cấp bù.

- Khi bên A có nhu cầu thay đổi market, kích thước, thông số kỹ thuật của vỏ bao thì thông báo cho bên B bằng văn bản trước từ 15 đến 20 ngày để bên B có thời gian đặt hàng thay đổi thiết bị, vật tư để sản xuất cho phù hợp với yêu cầu bên A.

### **Điều 3: Phương pháp kiểm tra.**

a/ Phương pháp kiểm tra số lượng: Bên A tiến hành kiểm đếm xác suất 10 bó trong toàn bộ lô hàng nếu thiếu thì tính cho toàn bộ lô hàng và bên B phải cấp bù hàng vào đơn hàng sau.

b/ Phương pháp kiểm tra thử nghiệm:

\* Được đóng thử tại dây chuyền đóng bao của bên A để làm cơ sở nghiệm thu chất lượng với tỷ lệ vỡ  $\leq 0,3\%$ , số lượng thử xác suất 10 vỏ/lô, phương pháp thử đưa vỏ vào đóng với trọng lượng  $50 \text{ kg} \pm 0,5$  xi măng bên trong (Khi bao xi măng thử nghiệm đảm bảo thoát khí hoàn toàn) thả rơi 10 không vỡ từ độ cao 1,2 m. Kết quả thử bao sẽ làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng và điều kiện thanh toán.

- Trong quá trình sản xuất, nếu tỷ lệ vỏ bao vỡ  $> 0,3\%$  thì bên A thông báo cho bên B để hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra và xác định nguyên nhân dẫn đến lý do vỏ bao bị vỡ. Nếu nguyên nhân gây rách vỡ (trong ngày) do bên nào thì bên đấy phải chịu trách nhiệm dọn bao rách vỡ và xi măng tại khu vực sản xuất.

- Nếu tỷ lệ vỏ bao vỡ do lỗi Bên B thì Bên A sẽ không tính giá trị số vỏ bao được xác định hỏng, vỡ vượt quá quy định tỷ lệ vỡ trong tháng theo hợp đồng sẽ trừ vào giá trị thanh toán. Hoặc bên B phải cấp bù số lượng vỏ bao hỏng, vỡ vào đơn hàng sau.

### **Điều 4. Thanh toán và công nợ.**

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo giá trị giao hàng từng tháng sau khi bên B gửi bộ chứng từ thanh toán bao gồm

- Biên bản nghiệm thu số lượng và chất lượng hàng hóa

- Hóa đơn tài chính theo quy định do bên B phát hành.

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

- Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày ghi trên biên bản xác nhận khối lượng, giá trị sản phẩm giao nhận vỏ bao giữa hai bên.

- Hạn mức dư nợ tối đa tiền mua vỏ bao xi măng không quá 60 tỷ đồng (được tính cả số dư tại ngày 31/12/2023).

Nếu số dư nợ tiền mua vỏ bao xi măng vượt quá 40 tỷ đồng thì bên A phải thanh toán tiền lãi tính trên giá trị vượt hạn mức cho bên B cụ thể như sau.

+ Trường hợp giá trị chậm thanh toán lớn hơn 40 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng được tính theo lãi suất mà Công ty Than Núi Hồng-VVMI vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên (hoặc thông báo lãi suất vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên), nhưng không thấp hơn 6%/năm. (Nếu ngân hàng cho vay ngắn hạn  $< 6\%$ /năm thì lãi suất áp dụng là 6%/năm, còn lãi suất ngân hàng  $> 6\%$ /năm thì thực hiện theo lãi suất của ngân hàng). Được theo 02 mức lãi suất như sau:

Tiền lãi vượt hạn mức (Từ >40 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng) nhân (x) Lãi suất vay ngắn hạn (%/năm) chia 365 ngày nhân (x) số ngày nợ quá hạn tại thời điểm sau khi bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

Tiền lãi vượt hạn mức (Mức dư nợ >50 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng) nhân (x) Lãi suất vay ngắn hạn (%/năm) nhân (x) 1,5 chia 365 ngày nhân (x) số ngày nợ quá hạn tại thời điểm sau khi bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

- Trường hợp tiền lãi kỳ sau sẽ được cộng vào công nợ và tính lãi như phát sinh mua bán vỏ bao xi măng.

- Lãi vay ngắn hạn được quy định với thời hạn 03 tháng.

- Thời gian tính lãi dư nợ vượt hạn mức 03 tháng/lần vào ngày cuối quý.

\* Trường hợp dư nợ tối đa lớn hơn 60 tỷ đồng thì bên B sẽ ngừng cấp hàng cho bên A và vẫn được tính lãi vượt hạn mức như trên.

#### **Điều 5: Địa điểm và thời gian giao hàng.**

##### **5.1. Địa điểm giao hàng:**

-Hàng được giao tại kho bên A. Số lượng giao nhận được xác định thực tế tại kho của bên A và lưu ký tại sổ bàn giao của hai bên để làm cơ sở tổng hợp nghiệm thu, bàn giao vào cuối tháng.

5.2. Thời gian giao hàng: Từ ngày 01/1/2024 đến 30/6/2024 và có thể được gia hạn thêm trong trường hợp nhu cầu sử dụng của Bên mua bị kéo dài so với thời gian dự kiến trên. Phần gia hạn thêm sẽ được mở phụ lục hợp đồng nếu hai bên đồng ý chấp thuận.

Hàng ngày giao từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút vào tất cả các ngày trong tuần (Trừ trường hợp đặc biệt sẽ cấp theo đề nghị của bên A).

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các bên.**

##### **6.1. Trách nhiệm của Bên A.**

- Bố trí cán bộ cùng với bên B làm thủ tục giao nhận, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu hàng hoá và xử lý các phát sinh trong quá trình giao nhận (nếu có).

- Thanh toán cho bên B theo đúng thời gian quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B phối hợp để giải trình, giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến vật tư hàng hóa do Bên B cung cấp theo hợp đồng này hoặc khi cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu.

##### **6.2. Trách nhiệm của Bên B.**

- Cung cấp hàng kịp thời đúng tiến độ, số lượng và chất lượng như Hợp đồng hai bên đã ký kết.

- Bố trí cán bộ cùng với bên B làm thủ tục giao nhận, kiểm tra chất lượng, nghiệm thu hàng hoá và xử lý các phát sinh trong quá trình giao nhận (nếu có).

- Cung cấp cho Bên A hoá đơn theo đúng mẫu của Bộ Tài chính phát hành.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A và các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước về nguồn gốc, xuất xứ và tính hợp pháp của vật tư hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên A.

#### **Điều 7. Chấm dứt hợp đồng.**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A

gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Trường hợp tỷ lệ vỡ bao vỡ hỏng lớn hơn 1,5% thì bên mua hàng có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng đồng thời Nhà cung cấp sẽ phải chịu phạt tương ứng với 10% giá trị của đơn hàng đã giao bị vỡ hỏng vượt quá tỷ lệ đã nêu trên.

d) Bên A không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có)

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của hai bên được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

**Điều 8: Điều khoản khác.**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh đưa đến việc sửa đổi hợp đồng cho phù hợp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần xây dựng và hợp tác, bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký xác nhận.

- Mọi tranh chấp trong thời hạn thực hiện hợp đồng, nếu có sẽ được giải quyết trước hết thông qua hòa giải và thương lượng hợp tình, hợp lý. Các điều kiện và điều khoản khác không nêu trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong trường hợp hòa giải và thương lượng bất thành, sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi bị khởi kiện. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng mang tính ràng buộc cả hai bên. Các lệ phí tòa án do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản ký kết trong hợp đồng mà không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản để làm cơ sở thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**Giám đốc**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Giám đốc**

**Trần Việt Cường**

**Nguyễn Quốc Tuấn**